

*

BẢNG ĐIỂM

Lớp Bồi dưỡng đối với công chức ngạch chuyên viên chính và tương đương khoá 25

Thời gian học: từ ngày 04/4/2025 đến ngày 16/6/2025

STT	Họ và tên	Điểm				Xếp loại	Ghi chú
		Phần 1	Phần 2	T.luyện	Điểm TB		
1	Bùi Thị Anh	6,20	8,20	7,75	7,38	Khá	
2	Đồng Huy Ánh	7,60	7,60	8,50	7,90	Khá	
3	Hoàng Thị Bền	6,00	5,40	7,25	6,22	Trung bình	
4	Nông Thị Ngọc Bích	5,80	7,40	8,00	7,07	Khá	
5	Nguyễn Thị Bích	5,00	5,00	7,50	5,83	Trung bình	
6	Đàm Tiến Doanh	7,60	6,60	7,75	7,32	Khá	
7	Bùi Trọng Duy	5,00	6,80	8,00	6,60	Trung bình	
8	Nông Đức Duy	6,00	7,40	8,25	7,22	Khá	
9	Đoàn Thế Duy	7,00	5,40	8,25	6,88	Trung bình	
10	Phùng Thị Duyên	5,80	5,00	7,75	6,18	Trung bình	
11	Lục Thị Dư	5,00	6,20	8,00	6,40	Trung bình	
12	Nguyễn Văn Dự	6,80	5,60	7,00	6,47	Trung bình	
13	Nông Vĩnh Dưỡng	5,00	5,00	7,00	5,67	Trung bình	
14	Đinh Đức Giang	6,40	5,40	8,00	6,60	Trung bình	
15	Hoàng Thị Hà	8,00	8,00	8,00	8,00	Khá	
16	Nông Văn Hải	8,00	8,00	8,00	8,00	Khá	
17	Bàn Trọng Hiền	6,60	7,60	8,00	7,40	Khá	
18	Lê Thị Hiền	6,60	8,00	8,25	7,62	Khá	
19	Bế Nguyễn Hoàng	5,20	6,60	8,00	6,60	Trung bình	
20	Nguyễn Ngọc Hoàng	7,40	5,40	8,00	6,93	Trung bình	
21	Phương Văn Hùng	5,80	6,00	8,00	6,60	Trung bình	
22	Sầm Văn Huy	6,80	8,20	8,00	7,67	Khá	
23	Hoàng Quốc Huy	8,00	8,00	8,25	8,08	Khá	
24	Long Thu Huyền	5,00	5,00	8,00	6,00	Trung bình	
25	Bế Ích Khánh	6,40	7,60	7,75	7,25	Khá	
26	Lý Văn Khánh	6,40	6,60	7,50	6,83	Trung bình	
27	Nông Quốc Khánh	8,00	7,40	8,00	7,80	Khá	
28	Tô Hương Lan	6,40	7,20	7,75	7,12	Khá	
29	Nông Thị Lan	5,40	7,40	8,00	6,93	Trung bình	
30	Lâm Thị Lan	8,00	8,00	8,25	8,08	Khá	

STT	Họ và tên	Điểm				Xếp loại	Ghi chú
		Phần 1	Phần 2	T.luyện	Điểm TB		
31	Lương Ngọc Lâm	5,00	5,00	7,75	5,92	Trung bình	
32	Phạm Viết Lập	8,00	6,60	7,75	7,45	Khá	
33	Hoàng Thị Hương Linh	6,80	7,00	7,50	7,10	Khá	
34	Lê Thùy Linh	6,40	7,00	8,00	7,13	Khá	
35	Nông Thị Kim Luyện	8,00	7,40	8,25	7,88	Khá	
36	Đặng Thị Lưu	5,00	6,40	7,25	6,22	Trung bình	
37	Nông Hứa Đan Ly	6,00	7,00	8,00	7,00	Khá	
38	Chu Tuấn Nam	7,00	6,00	8,00	7,00	Khá	
39	Nông Thị Nga	6,20	7,00	8,00	7,07	Khá	
40	Phạm Thị Linh Nhâm	5,00	6,40	7,75	6,38	Trung bình	
41	Hoàng Thị Phụng	6,60	7,40	8,00	7,33	Khá	
42	Nông Hữu Quang	6,40	5,80	7,50	6,57	Trung bình	
43	Bế Chí Quang	8,00	8,00	8,00	8,00	Khá	
44	Trương Thị Tâm	5,20	6,00	8,00	6,40	Trung bình	
45	Hoàng Thanh Toàn	8,00	8,00	8,50	8,17	Khá	
46	Vi Tiến Thành	5,20	6,00	7,50	6,23	Trung bình	
47	Vương Thị Thọ	6,40	7,40	7,50	7,10	Khá	
48	Hoàng Thị Thơm	5,00	6,20	7,50	6,23	Trung bình	
49	Tô Thị Thuần	6,40	7,20	8,00	7,20	Khá	
50	Nguyễn Ngọc Thương	6,20	6,60	7,75	6,85	Trung bình	
51	Bùi Thị Huyền Trang	7,00	7,40	8,00	7,47	Khá	
52	Trương Thị Hồng Trang	6,00	7,60	7,50	7,03	Khá	
53	Nguyễn Thị Huyền Trang	5,40	6,60	7,75	6,58	Trung bình	
54	Hoàng Ngọc Trục	6,60	8,00	7,75	7,45	Khá	
55	Nông Duy Trường	5,20	7,60	8,00	6,93	Trung bình	
56	Nông Thị Cẩm Vân	5,40	6,60	8,00	6,67	Trung bình	

Danh sách ấn định: 56 học viên; 56 học viên được xếp loại./.

Tổng hợp xếp loại:

Khá: Điểm trung bình khóa học từ 7,00 đến dưới 9,00 điểm: 30 học viên, chiếm 53,6 %.

Trung bình: Điểm trung bình khóa học từ 5,00 đến dưới 7,00 điểm: 26 học viên, chiếm 46,4%./.

GHI ĐIỂM

PHÒNG QL ĐÀO TẠO VÀ NCKH TRƯỞNG PHÒNG

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thu Hằng



Đoàn Thị Vân Thúy



Trịnh Thị Ánh Hoa